

thai, cân nặng lúc sinh, nhóm điều trị kỹ thuật LISA có tỷ lệ chăm sóc tốt cao hơn nhóm INSURE, trẻ có điểm Silverman 3 – 5 điểm có tỷ lệ chăm sóc tốt cao hơn nhóm >5 điểm, trẻ có biến chứng xẹp phổi, xuất huyết phổi có tỷ lệ chăm sóc tốt thấp hơn nhóm không có biến chứng ($p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Dũng (2019), "Hội sức sơ sinh tại phòng sinh", "Suy hô hấp ở trẻ đẻ non hay bệnh màng trong", "Đóng ống động mạch ở trẻ sơ sinh", Sơ sinh học thực hành - Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr. 31-56, 132-137.
2. Huỳnh Thị Duy Hương (2016), "Bệnh lý phổi gây suy hô hấp sơ sinh", Sách giáo khoa nhi khoa, Nhà xuất bản y học, tr. 232-247.
3. Lâm Kim Hường (2018), "Xác định hiệu quả điều

trị suy hô hấp do bệnh màng trong ở trẻ sơ sinh non tháng bằng surfactant tại khoa Sơ sinh bệnh viện Phụ sản Cần Thơ", Đề tài NC cấp cơ sở của Bệnh viện Phụ sản Thành phố Cần Thơ năm 2018.

4. Canals Candela F.J., Vizcaíno Díaz C., Ferrández Berenguer M.J. (2016), "Surfactant replacement therapy with a minimally invasive technique: Experience in a 23. pp.79-84.
5. Khong T.Y., Malcomson D.G.R. (2015), Keeling's Fetal and Neonatal Pathology 5th, Springer, pp.361.
6. Yost G.C., Young P.C., Bunchi K.F. (2001), "Significance of grunting respiratory in infants admitted to well – baby nursery", Arch Pediatr Adolesc Med, 155, pp. 372-375.
7. Sweet D. G., Carnielli V., Greisen G., et al. (2019), "European Consensus Guidelines on the Management of Respiratory Distress Syndrome – 2019 Update", Neonatology, 115 (4), 432-450.

THỰC TRẠNG VỀ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH VIÊM ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP COVID-19 CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2020

Nguyễn Khánh Thị Liên*, Lê Đình Luyến*, Đoàn Ngọc Thủy Tiên*

TÓM TẮT

Một nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 361 sinh viên trường Đại học Y Hà Nội nhằm mô tả thực trạng thực hành về phòng tránh dịch bệnh COVID-19 của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội. Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên có điểm thực hành các biện pháp phòng ngừa ở mức tốt là 85,6%. Phần lớn sinh viên chấp hành nghiêm túc theo chỉ thị của Nhà nước (99,7%), thường xuyên vệ sinh tay đúng cách (98,7%), bổ sung dinh dưỡng, tăng thể trạng (89,2%), đeo khẩu trang khi ra đường (96,4%). Sinh viên trường Đại học Y Hà Nội sử dụng mạng xã hội (92,5%), trang web chính thức của Bộ Y tế (87,3%) và tivi (75,3%) để cập nhật tình hình dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh. Một số yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống dịch COVID-19 được đưa ra như tuổi, giới tính, chuyên ngành, người nhà làm việc trong ngành Y. Tuy nhiên, các yếu tố này không có ý nghĩa thống kê. Cần có thêm các nghiên cứu mở rộng với quy mô lớn hơn nhằm đánh giá sâu hơn về hành vi phòng chống dịch COVID-19 và các yếu tố liên quan đến những hành vi này của sinh viên.

Từ khóa: COVID-19, SARS-CoV-2, thực hành, phòng chống dịch, sinh viên y khoa.

SUMMARY

THE CIRCUMSTANCES OF COVID-19 PREVENTION AMONG STUDENTS OF

*Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đoàn Ngọc Thủy Tiên

Email: doanngocthuytien@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.2.2022

Ngày phản biện khoa học: 25.3.2022

Ngày duyệt bài: 1.4.2022

HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2020

A cross-sectional descriptive study on 361 students to describe the current circumstances of COVID-19 pandemic prevention practice among students of Hanoi Medical University. The results showed that the percentage of students with good practice was 85.6%. The majority of students strictly followed the Government regulation (99.7%), regularly washed their hands properly (98.7%), supplemented with nutrition, increase physical fitness (89.2%), wore a mask when going out (96.4%). Students of Hanoi Medical University used social networks (92.5%), the official website of the Ministry of Health (87.3%) and television (75.3%) to update the pandemic situation and disease prevention. Some factors related to COVID-19 prevention and control practices were given, such as age, gender, major, family members working in the medical profession. However, these factors did not meet the statistically significant level. More extensive studies with larger scale are needed to further evaluate students' behavior in preventing COVID-19 and the factors related to these behaviors.

Keywords: COVID-19, SARS-CoV-2, practice, pandemic prevention, medical students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự bùng phát của dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 do chủng mới của vi-rút corona (SARS-CoV-2), đã ra là đại dịch toàn cầu sau sự gia tăng nhanh chóng số trường hợp mắc trên thế giới và tại Việt Nam. Đại dịch này đã và đang gây ra cuộc khủng hoảng về y tế và kinh tế toàn cầu. Tính đến ngày 13/11/2020, Việt Nam ghi nhận 1256 ca mắc, chữa khỏi cho 1103 bệnh nhân và có 35 bệnh nhân tử vong do COVID-19

[7]. Bên cạnh nhóm đối tượng nhân viên y tế, sinh viên y khoa là đối tượng có nguy cơ cao tiếp xúc với người nhiễm SAR-CoV-2. Tại Việt Nam, số lượng nghiên cứu trên nhóm đối tượng này còn hạn chế [2],[4]. Từ khi đại dịch bùng phát tại Việt Nam, sinh viên trường Đại học Y Hà Nội liên tục tham gia vào công tác truy vết, phòng chống dịch ở các tỉnh địa phương. Vì vậy, việc sinh viên thực hành tốt việc phòng chống dịch COVID-19 không chỉ để bảo vệ sức khỏe bản thân mà còn là nhiệm vụ quan trọng để các chuyển công tác tại các tỉnh có dịch diễn ra an toàn và hiệu quả. Nhận thấy việc tìm hiểu thực trạng phòng chống dịch COVID-19 trong cộng đồng sinh viên y khoa là vô cùng cần thiết. Do đó, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu nghiên cứu:

1. *Mô tả thực trạng phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2020.*

2. *Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng phòng chống dịch về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2020.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên chính quy trường Đại học Y Hà Nội.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:**

+ Là sinh viên chính quy đang học tập tại trường Đại học Y Hà Nội năm học 2019-2020. Sinh viên đang theo học một trong ba chuyên ngành sau: BS Đa khoa, BS Y học dự phòng (Y3), CN Y tế công cộng (Y2).

+ Đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:**

+ Đối tượng không khả năng trả lời.

+ Đối tượng không có mặt tại thời gian nghiên cứu.

2.2 Phương pháp nghiên cứu:

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Thời gian và địa điểm nghiên cứu:**

+ Thời gian nghiên cứu: tháng 07/2020 đến tháng 05/2021.

+ Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Hà Nội.

- **Cỡ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu:**

Nghiên cứu áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng cho một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \cdot p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: Cỡ mẫu tối thiểu cần thiết.

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ (với khoảng tin cậy 95%).

$p=0,71$ (tỷ lệ sinh viên Y khoa có thực hành

tốt về phòng chống dịch COVID-19 theo nghiên cứu của Pranav D. Modi [3]).

α : Mức ý nghĩa thống kê (0,05). Theo đó, cỡ mẫu tối thiểu ước tính là 316. Cỡ mẫu thu thập cuối cùng là 361 sinh viên. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện.

- **Công cụ, biến số và chỉ số nghiên cứu:**

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi thiết kế sẵn nhằm mô tả thực trạng phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên cơ sở các nghiên cứu trước đây, sau đó tiến hành nghiên cứu thử ngẫu nhiên 20 đối tượng sinh viên trường Đại Học Y Hà Nội trước khi chính thức triển khai. Phần thực trạng bao gồm 11 câu hỏi khảo sát về một số hành vi phòng chống dịch COVID-19 của đối tượng. Người trả lời phỏng vấn có thái độ thực hành tốt cần đạt từ 70% trở lên tổng số điểm trong phần thực hành.

- **Xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu được

quản lý, làm sạch bằng Microsoft Excel. Số liệu được phân tích bằng phần mềm STATA 14. Các thống kê mô tả sẽ được thực hiện thông qua việc tính toán giá trị trung bình, độ lệch chuẩn cho các biến định lượng và tỷ số, tỷ lệ cho các biến định tính. Thống kê suy luận về sự khác biệt về điểm thực hành ở từng nhóm: tuổi, giới tính, chuyên ngành... và so sánh tương quan giữa kiến thức, thái độ, thực hành sử dụng các test thống kê phù hợp.

- **Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu được thông qua Hội đồng đề tài cấp cơ sở trường Đại học Y Hà Nội. Các đối tượng tham gia nghiên cứu được tự nguyện chấp thuận tham gia/không tham gia sau khi được giải thích rõ mục đích và nội dung nghiên cứu. Đối tượng có thể từ chối rút lui khỏi nghiên cứu bất cứ lúc nào. Các thông tin được đối tượng cung cấp cho nghiên cứu được giữ bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

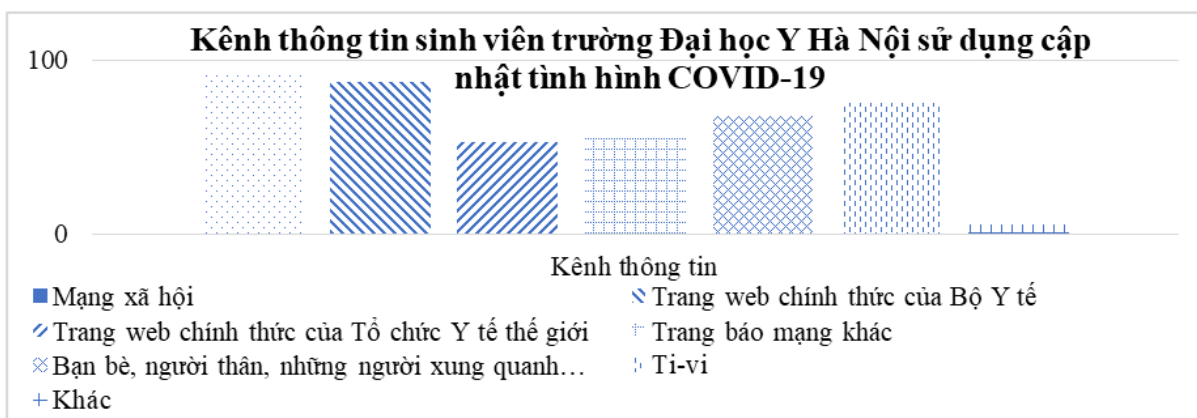
Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu. Phần lớn đối tượng nghiên cứu thuộc nhóm tuổi trên 20 tuổi (91,4%). Tỷ lệ sinh viên nữ (60,1%) tham gia nghiên cứu nhiều hơn sinh viên nam (39,9%). Khoảng 83% sinh viên thuộc chuyên ngành Y Đa khoa, 7% sinh viên thuộc chuyên ngành Y học dự phòng, 10% sinh viên thuộc chuyên ngành Y tế công cộng. Sinh viên dân tộc Kinh chiếm đa số (94,2%), còn lại bao gồm một số dân tộc khác như Tày, Mường, Thái (5,8%). Tỷ lệ sinh viên có người nhà công tác trong lĩnh vực y tế là 44%.

Thực trạng phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2020
Bảng 1: Thực trạng phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội

Biên số	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	
Tụ tập nơi đông người	Có	87	24,1
	Không	274	75,9
Tránh các hoạt động tiếp xúc cự ly gần (như ôm, bắt tay...)	Có	269	74,5
	Không	92	25,5
Chấp hành nghiêm việc giãn cách xã hội và tránh tiếp xúc với người khác	Có	360	99,7
	Không	1	0,3
Rửa tay đúng quy cách sau khi ho/sổ mũi/hắt hơi hoặc đến nơi đông người	Có	349	96,7
	Không	12	3,3
Bổ sung dưỡng chất trong bữa ăn, tăng thể trạng và chiến đấu với dịch bệnh	Có	322	89,2
	Không	39	10,8
Khuyến bạn bè, người thân, những người xung quanh thường xuyên vệ sinh tay và đeo khẩu trang	Có	358	99,2
	Không	3	0,8
Tần suất đeo khẩu trang khi ra đường	Luôn luôn	348	96,4
	Thỉnh thoảng (chỉ khi đến nơi có đám đông)	13	3,6
Cài đặt ứng dụng Bluezone	Chưa nhưng có dự định sẽ cài đặt	85	23,6
	Không muốn cài đặt	5	1,4
	Đã cài đặt	271	75,1

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên có thực hành tốt về phòng chống dịch COVID-19 (85,6%). Bảng 1 cung cấp thông tin về hành vi phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên. Tại thời điểm nghiên cứu, 75,9% sinh viên có tham gia ít nhất một sự kiện/nơi đông người. Hầu hết sinh viên (99,7%) chấp hành nghiêm ngặt việc giãn cách xã hội, tránh tiếp xúc với người khác khi Nhà nước thông báo. Tuy nhiên, khoảng 25% sinh viên không tránh các hoạt động, chẳng hạn như bắt tay, ôm. Về việc thực hành vệ sinh tay, tỷ lệ sinh viên thường xuyên rửa tay đúng quy cách sau khi đến nơi công cộng, hoặc sau khi xì mũi, ho hoặc hắt hơi đạt

98,7%. Trong chế độ ăn uống, khoảng 89% sinh viên tăng cường sức khỏe thông qua việc bổ sung dưỡng chất trong mỗi bữa ăn. Phần lớn sinh viên luôn luôn đeo khẩu trang khi ra đường (96,4%) và tích cực khuyến bạn bè, người thân, những người xung quanh thường xuyên vệ sinh tay và đeo khẩu trang (99,2%). Tại thời điểm nghiên cứu, Bluezone là ứng dụng được Bộ y tế khuyến dùng. Khoảng 75% sinh viên đã cài đặt ứng dụng này. Tuy nhiên, khoảng 1,9% sinh viên được phỏng vấn bày tỏ không muốn cài đặt. Phần lớn nguyên nhân dẫn đến sự việc lo sợ bị lộ thông tin cá nhân (80%), còn lại bày tỏ việc ứng dụng không khả thi trong việc truy vết (20%).



Biểu đồ 1: Kênh thông tin sinh viên trường Đại học Y Hà Nội sử dụng cập nhật tình hình COVID-19

Sinh viên tìm kiếm nội dung về COVID-19 bằng đa dạng các kênh thông tin. Các kênh thông tin được sử dụng phổ biến nhất là mạng xã hội, trang web chính thức của Bộ Y tế và tivi tương ứng với 92,5%, 87,3%, và 75,4% (Biểu đồ 1).

Bảng 2: Một số yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội

Yếu tố		Trung vị	Khoảng tứ phân vị	OR
Giới tính	Nam	13	12-15	-
	Nữ	14	12-15	0,5 (0,19-1,04)
Tuổi	20	14	13-15	-
	>20	13	12-15	1
Chuyên ngành	Bác sĩ Đa khoa	13	12-15	-
	Bác sĩ Y học dự phòng	15	12-15	2,1 (0,27-16,31)
	Cử nhân Y tế công cộng	14	13-15	1
Dân tộc	Kinh	13	12-15	-
	Khác	14	13-15	1
Có người nhà làm trong lĩnh vực y tế	Có	14	13-15	-
	Không	13	12-15	1,1 (0,47-2,48)

Bảng 2 cho thấy nam giới có thực hành phòng chống dịch tốt hơn nữ giới (OR=0,5; 95%CI=0,19-1,04). Sinh viên chuyên ngành Y học dự phòng phòng chống dịch tốt hơn sinh viên ngành Y đa khoa (OR=2,1; 95%CI=0,27-16,31). Sinh viên có người nhà không công tác trong lĩnh vực y tế có phòng chống dịch tốt hơn nhóm sinh viên có người nhà làm việc trong ngành Y (OR=1,1; 95%CI=0,47-2,48). Tuy nhiên, ba yếu tố nêu trên không có ý nghĩa thống kê.

IV. BÀN LUẬN

Đại dịch COVID-19 đã và đang gây ra nhiều lo ngại đối với cuộc sống và sức khỏe người dân nói chung và sinh viên nói riêng, đặc biệt là các sinh viên thuộc khối ngành Y – đối tượng có nguy cơ cao do đây là nhóm nhân lực quan trọng tham gia vào công tác chống dịch của đất nước. Vì vậy, việc sinh viên Y tuân thủ tốt các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 là vô cùng quan trọng nhằm bảo vệ sức khỏe bản thân cũng như sức khỏe cộng đồng xung quanh. Phần lớn sinh viên được phỏng vấn thuộc chuyên ngành Y đa khoa. Điều này hoàn toàn phù hợp với chỉ tiêu và kết quả tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Y Hà Nội.

Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra tỷ lệ sinh viên có điểm thực hành ở mức tốt là 85,6%. Phát hiện này tương tự với các nghiên cứu trước đây tại Iran và Trung Quốc [4],[5]; tuy nhiên, kết quả nghiên cứu mâu thuẫn với nghiên cứu tại Bangladesh với chỉ hơn 50% đối tượng nghiên cứu có thực hành chống dịch tốt [1]. Tại thời điểm nghiên cứu 75,9% sinh viên đã đến một sự kiện/nơi đông người. Trái ngược với kết quả nghiên cứu tại Khoa Dược tại Đại học Anh Quốc

ở Ai Cập cho thấy 87% người tham gia không đến bất kỳ nơi đông đúc nào. Nhưng cũng không thể vì vậy mà đánh giá thấp ý thức của sinh viên Y Hà Nội do sinh viên Y vẫn học tập tại trường trong tình hình dịch bệnh nên khó tránh khỏi việc đến những nơi đông người bao gồm trường học, kí túc xá, thư viện... Ngoài ra hầu hết sinh viên (99,7%) chấp hành nghiêm ngặt việc giãn cách xã hội, tránh tiếp xúc với người khác khi Nhà nước thông báo. Trong nghiên cứu hiện tại, hầu hết sinh viên thường xuyên rửa tay đúng quy cách sau khi đến nơi công cộng, hoặc sau khi xì mũi, ho hoặc hắt hơi chiếm 98,7%. Điều này cho thấy sự sẵn sàng thực hiện các thay đổi hành vi để đối mặt với đại dịch COVID-19.

Tỷ lệ sinh viên thực hiện bổ sung dưỡng chất trong bữa ăn để tăng thể trạng và chiến đấu với dịch bệnh chiếm 89,2%. Tỷ lệ này trái ngược với sinh viên đại học Y với đa số sinh viên không thay đổi chế độ ăn uống và thói quen hút thuốc, trong khi một phần lớn sinh viên giảm hoạt động thể chất. Vai trò của các yếu tố lối sống có thể thay đổi như chế độ ăn uống trong việc duy trì sức khỏe và thể chất đã được các bạn sinh viên Y chú ý và quan tâm. Ngoài ra, trong thời kỳ khủng hoảng, lợi ích của việc trao quyền cho mọi người chủ động giữ gìn sức khỏe của chính mình nên được nhấn mạnh. 96,4% sinh viên tuân thủ việc đeo khẩu trang khi ra đường với tần suất là luôn luôn. Có hai cách giải thích cho hành vi này trong bối cảnh của Việt Nam. Thứ nhất, việc sử dụng khẩu trang là lối sống của đa số trong xã hội Việt Nam. Người Việt Nam thường đeo khẩu trang khi ra đường hoặc bị ốm là điều bình thường. Thứ hai, khẩu trang là nội dung số một trong thông điệp 5K được bộ y tế khuyến khích

người dân thực hiện, đi kèm là các biện pháp xử phạt để bắt buộc người dân đeo khẩu trang khi đến nơi công cộng, nơi tập chung đông người trong bối cảnh dịch bệnh. Giáo dục tốt hơn về nhu cầu đeo khẩu trang là điều cần thiết, đặc biệt là xem xét tình trạng thiếu khẩu trang gần đây mà nhiều khu vực đã chứng kiến sau tin tức về đại dịch COVID-19.

Sinh viên thực hành tích cực về việc khuyên bạn bè, người thân, những người xung quanh thường xuyên vệ sinh tay và đeo khẩu trang với 99,2%. Điều này cho thấy công tác tuyên truyền về các biện pháp phòng chống COVID-19 ở Việt Nam không chỉ được Bộ Y tế gấp rút thực hiện mà ngay ở bản thân mỗi cá nhân cũng có ý thức tuyên truyền cho người thân bạn bè xung quanh nhằm thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn và nâng cao ý thức của người dân trong việc thực hiện thông điệp 5K.

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng phần lớn sinh viên tiếp cận kiến thức về COVID-19 chủ yếu thông qua các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, Tivi,... tương tự với một nghiên cứu COVID-19 gần đây Bangladesh (2020) [6]. Phát hiện này cũng phù hợp bởi thực tế là phần lớn giới trẻ dựa vào internet và phương tiện truyền thông xã hội trong lối sống, công việc thường ngày của họ và đặc biệt trong thời gian giãn cách xã hội do COVID-19 thì việc nhận thông tin từ những nguồn này lại càng thuận tiện. Điều này sẽ cảnh báo các nhà hoạch định chính sách về tầm quan trọng của truyền thông xã hội trong việc phổ biến thông tin đến công chúng, đặc biệt là trong các trường hợp đại dịch. Bên cạnh đó khá nhiều sinh viên sử dụng các trang web của Bộ Y tế, Tổ chức Y tế thế giới để tra cứu thông tin liên quan đến COVID-19 với tỉ lệ 87,3% và 52,6%. Điều này cho thấy rằng các cập nhật liên quan đến COVID-19 do các cơ quan y tế chính thức của chính phủ đăng trực tuyến có ý nghĩa tích cực trong việc nâng cao trình độ hiểu biết của sinh viên.

Khi được hỏi về việc đã cài đặt ứng dụng Bluezone giúp theo dõi và khai báo y tế hay chưa thì số sinh viên trả lời là đã cài đặt chiếm 75,1%. Tỷ lệ này có thể do thái độ tích cực của sinh viên đến sự hữu ích của ứng dụng với 83,1%. Việc cài đặt ứng dụng Bluezone giúp chính phủ và cá nhân kiểm soát được lịch sử tiếp xúc từ đó dễ dàng phục vụ cơ quan y tế khi có sự đồng ý của người dùng hoặc trong trường hợp người dùng là ca nhiễm, ca nghi nhiễm. Bên cạnh đó 1,4% sinh viên không muốn cài đặt với lý do phổ biến nhất được đưa ra là lo sợ lộ thông tin cá nhân.

Nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế. Đầu tiên, do nghiên cứu được tiến hành mô tả cắt ngang, chúng tôi không thể quan sát sự thay đổi về hành vi phòng chống dịch của sinh viên đại học Y Hà Nội theo thời gian. Thứ hai, nghiên cứu thực hiện chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, và chỉ 3/10 chuyên ngành của trường được đưa vào nghiên cứu điều này sẽ dễ xảy ra sai số và ảnh hưởng đến mức độ khái quát với cả quần thể.

V. KẾT LUẬN

Phần lớn đối tượng nghiên cứu thuộc nhóm tuổi trên 20 tuổi (91,4%). Tỷ lệ sinh viên nữ (60,1%) tham gia nghiên cứu nhiều hơn sinh viên nam (39,9%). Đa số sinh viên thuộc chuyên ngành Y Đa khoa (83%), dân tộc Kinh (94,2%), và có người nhà không công tác trong lĩnh vực y tế là 56%.

Tỷ lệ sinh viên có điểm thực hành ở mức tốt đạt 85,6%. Phần lớn sinh viên chấp hành nghiêm túc theo chỉ thị của Nhà nước (99,7%), thường xuyên vệ sinh tay đúng cách (98,7%), bổ sung dinh dưỡng, tăng thể trạng (89,2%), đeo khẩu trang khi ra đường (96,4%). Sinh viên trường Đại học Y Hà Nội sử dụng mạng xã hội (92,5%), trang web chính thức của Bộ Y tế (87,3%) và tivi (75,3%) để cập nhật tình hình dịch bệnh và phòng chống dịch bệnh.

Một số yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống dịch COVID-19 được đưa ra như tuổi, giới tính, chuyên ngành, người nhà làm việc trong ngành Y. Tuy nhiên, các yếu tố này không có ý nghĩa thống kê. Cần có thêm các nghiên cứu mở rộng với quy mô lớn hơn nhằm đánh giá sâu hơn về hành vi phòng chống dịch COVID-19 và các yếu tố liên quan đến những hành vi này của sinh viên.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm học 2019-2020 đã giúp chúng tôi thực hiện được nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y Tế (2020)**, Các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.
2. **Lê Minh Đạt, Kiều Thị Hoa, Nguyễn Thị Minh Thúy và cộng sự**, Kiến thức, thái độ của sinh viên đại học y hà nội đối với covid-19, năm 2020: một khảo sát nhanh trực tuyến. Tạp chí Y học dự phòng, **30(3)**,18.
3. **Modi P.D., Nair G., Uppe A., và cộng sự (2020)**, COVID-19 Awareness Among Healthcare Students and Professionals in Mumbai Metropolitan Region: A Questionnaire-Based Survey. Cureus, 12(4).
4. **Nguyen T.N.H., Tran V.K., và cộng sự (2020)**, Knowledge and attitude toward COVID-19 among healthcare workers at District 2 Hospital, Ho Chi

Minh City. Asian Pacific Journal of Tropical Medicine, **13(6)**, 260.

5. **Parsons Leigh J., Fiest K., Brundin-Mather R., và cộng sự (2020).** A national cross-sectional survey of public perceptions of the COVID-19 pandemic: Self-reported beliefs, knowledge, and behaviors. PLoS One, **15(10)**.
6. **Rajon Banik, Mahmudur Rahman, Tajuddin Sikder, và cộng sự (2020).** Investigating knowledge, attitudes, and practices related to COVID-19 outbreak among Bangladeshi young adults: A web-based cross-sectional analysis.
7. **Tổ chức Y tế Thế giới (2020).** WHO Timeline - COVID-19.

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG CỦA BỆNH NHÂN BETA THALASSEMIA CÓ GIẢM PHÂN SUẤT TỔNG MÁU TRÊN SIÊU ÂM DOPPLER TIM ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

Phạm Ngọc Linh*, Nguyễn Ngọc Hà*

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân Thalassemie có giảm phân suất tổng máu. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang đã được tiến hành trên 67 NB điều trị tại khoa HHLS Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên từ 1/2021 đến 1/2022. Tất cả bệnh nhân nghiên cứu đều được tiến hành khám lâm sàng kỹ theo mẫu nghiên cứu, được làm siêu âm và xét nghiệm đầy đủ về huyết học. **Kết quả:** Nữ nhiều hơn nam; Đa số người bệnh là dân tộc ít người (71,6%); Lứa tuổi <15 chiếm tỷ lệ cao nhất (50,7%), tuổi chẩn đoán bệnh của nhóm bệnh là 2(±2) thấp hơn nhóm chứng. Biểu hiện lâm sàng thường gặp là: hoa mắt, chóng mặt (41%) và mệt mỏi (40%). Xét nghiệm cho thấy: Lượng Hb trung bình, Bil TT & TP trung bình, SGOT trung bình, của nhóm bệnh nhân có giảm phân suất tổng máu thấp hơn nhóm chứng. Các chỉ số siêu âm của nhóm bệnh cũng thấp hơn nhóm chứng. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tuổi chuẩn đoán bệnh trung bình, tần suất truyền máu trung bình ≥5 lần/năm của nhóm bệnh nhân thalassamie có giảm phân suất tổng máu với nhóm chứng (p<0,05); Chỉ số EF trung bình (53.16±1.12), FS trung bình (31.16±2.46) đánh giá chức năng tâm thu thất trái của nhóm bệnh thấp hơn nhóm chứng, với p<0,05; Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm BN có lượng Ferritin trong máu ≥ 2500ng/ml của nhóm bệnh và nhóm chứng, với giá trị p < 0,05.

Từ khóa: Bệnh Thalassemie, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

SUMMARY

CLINICAL AND SUBCLINICAL CHARACTERISTICS OF BETA THALASSEMIA PATIENTS WITH REDUCE EF% ON DOPPLER ECHOCARDIOGRAPHY IN THAI NGUYEN CENTRAL HOSPITAL

*Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Ngọc Hà

Email: nguyenngocha@tnmc.edu.com

Ngày nhận bài: 11.2.2022

Ngày phản biện khoa học: 31.3.2022

Ngày duyệt bài: 6.4.2022

The aims were to describe the clinical and subclinical characteristics of beta thalassemia patients with reduce EF% on Doppler echocardiography in Thai Nguyen Central Hospital. **Methods:** A cross-sectional study was performed on 67 patients with thalassemia treated at the Clinical Hematology Department, Thai Nguyen Central Hospital from 1/2021 to 1/2022. **Results:** The female rate was higher than male rate; the majority of patients are ethnic minorities (71.6%); the age group <15 accounted for the highest percentage (50.7%), the mean age of diagnosis of the disease group was 2(±2) lower than the control group. Common clinical symptoms were: dizziness (41%) and fatigue (40%). The test showed that: mean Hb, mean Bil TT & TP, mean SGOT of the the disease group with reduced left ventricular ejection fraction lower than the control group; the ultrasound index of the disease group was also lower than the control group. There was a statistically significant difference in the mean age of diagnosis, the frequency of blood transfusions ≥5 times/year in the group of thalassemia patients with reduced left ventricular ejection fraction with the control group (p<0.05); Mean EF (53.16±1.12), mean FS (31.16±2.46) evaluating left ventricular systolic function of the disease group were lower than the control group, with p<0.05; There was a statistically significant difference between the disease group with blood ferritin ≥ 2500 ng/ml of the patient group and the control group, with p< 0.05.

Keywords: Thalassemie, Thai Nguyen Central Hospital.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thalassemia là một hội chứng bệnh hemoglobin di truyền (bệnh Hb), nguyên nhân do thiếu hụt tổng hợp một hay nhiều chuỗi polypeptide trong globin của Hemoglobin. Bệnh gây ra tình trạng tan máu, thiếu máu và gây ứ sắt thâm nhiễm các cơ quan làm rối loạn chức năng ở các cơ quan như: quá tải sắt, nhiễm trùng, bất thường cấu trúc xương, cường lách, chậm phát triển thể chất, đặc biệt là gây tổn thương trên tim [9]. Biểu chứng của bệnh beta thalassamie lên tim là một trong những nguyên nhân chính, chiếm tới 70% các nguyên nhân gây tử vong cho bệnh nhân thalassemia, trong đó